

Số: /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026 và phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2026 - 2031

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2021 - 2026 và phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2026 - 2031 như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NHIỆM KỲ 2021-2026

I. Khái quát đặc điểm, tình hình

Trước sắp xếp, tỉnh Quảng Ngãi (cũ) có diện tích tự nhiên: 5.155,248 km²; quy mô dân số: 1.532.488 người¹. Có 13 ĐVHC cấp huyện, gồm: 11 huyện (05 huyện đồng bằng², 05 huyện miền núi³ và 01 huyện hải đảo⁴); 01 thị xã⁵ và 01 thành phố⁶. Có 170 ĐVHC cấp xã, gồm: 144 xã, 17 phường và 09 thị trấn.

Trước sắp xếp, tỉnh Kon Tum (cũ) có diện tích tự nhiên: 9.677,3 km²; quy mô dân số: 629.267 người. Có 10 ĐVHC cấp huyện, gồm: 09 huyện và 01 thành phố. Có 120 ĐVHC cấp xã, gồm: 85 xã, 10 phường và 07 thị trấn.

Sau khi sắp xếp tỉnh Quảng Ngãi với tỉnh Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi có diện tích tự nhiên: 14.832,55 km², quy mô dân số là 2.161.755 người; 96 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 86 xã, 09 phường và 01 đặc khu. Có 44 thành phần dân tộc cùng sinh sống, trong đó có 08 thành phần dân tộc thiểu số (DTTS) sống tại chỗ, gồm: Xê Đăng, Ba Na, Gia Rai, Giẻ Triêng, Brâu, Rơ Măm, Hre, Co.

¹ số liệu về diện tích tự nhiên, quy mô dân số tính đến thời điểm ngày 31/12/2024

² Bình Sơn, Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Mộ Đức

³ Trà Bồng, Ba Tơ, Sơn Tây, Sơn Hà, Minh Long

⁴ Lý Sơn

⁵ Đức Phổ

⁶ Quảng Ngãi

II. Công tác triển khai tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách Đảng, pháp luật của Nhà nước

1. Triển khai các chủ trương, chính sách Đảng

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo, điều hành thực hiện có hiệu lực, hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân tỉnh đã thực hiện tốt vai trò là cơ quan thực thi pháp luật ở địa phương, đề xuất để Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các chủ trương, chính sách phát triển trên địa bàn tỉnh; thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực và chỉ đạo, điều hành các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương.

2. Triển khai các Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, quy định của các Bộ, ngành Trung ương

Trong nhiệm kỳ 2021-2026, Ủy ban nhân dân tỉnh và các địa phương đã thường xuyên, kịp thời chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các vấn đề theo phân cấp, ủy quyền của cấp trên và các nội dung cải cách hành chính, phát triển kinh tế - xã hội... đến toàn thể cán bộ, công chức và Nhân dân, nhất là các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp như: Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các văn bản liên quan đến phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính, phát triển kinh tế - xã hội, thông tin các vấn đề về tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội...

III. Về tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Số lượng, chất lượng thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh

- Về số lượng: Tính đến nay, thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2021-2026 có 21 thành viên, trong đó: Chủ tịch, 05 Phó Chủ tịch và 15 ủy viên.

- Về chất lượng: Chi tiết có Phụ lục kèm theo.

2. Tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện chỉ đạo về sắp xếp các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghiêm túc việc sắp xếp cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh, thuộc các sở ngành; theo đó trước sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền 02 cấp, tỉnh Quảng Ngãi sắp xếp còn 13 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và 01 tổ chức hành chính; 125 tổ chức bên trong thuộc các sở, ngành và tổ chức hành chính (gồm phòng chuyên môn, chi cục và tổ chức tương đương); 05 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, 103 đơn vị sự nghiệp thuộc sở ngành.

Sau khi sắp xếp tỉnh Kon Tum với tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi mới có 14 cơ quan chuyên môn và 01 tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Có 107 tổ chức bên trong thuộc các sở, ngành và tổ chức hành chính (gồm phòng chuyên môn, chi cục và tổ chức tương đương); có 10 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và 167 đơn vị sự nghiệp thuộc các sở, ngành.

IV. Về hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh.

1. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh

Trong hoạt động, Ủy ban nhân dân tỉnh luôn giữ mối quan hệ công tác giữa cấp trên với cấp dưới và với các cơ quan, đơn vị liên quan trong địa bàn, cụ thể:

Giữ mối quan hệ thường xuyên với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan có liên quan của Trung ương, của tỉnh, các cơ quan của Đảng, Hội đồng nhân dân, Viện Kiểm sát Nhân dân, Tòa án Nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp chặt chẽ với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc chuẩn bị chương trình, nội dung làm việc của kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, các báo cáo, đề án trình cuộc họp Hội đồng nhân dân tỉnh; giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nghiên cứu giải quyết theo thẩm quyền các kiến nghị của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết.

Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội để cùng chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân, vận động Nhân dân tham gia xây dựng, củng cố chính quyền vững mạnh, chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm giải quyết và trả lời các kiến nghị của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội.

Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Viện Kiểm sát Nhân dân, Tòa án Nhân dân trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm, các hành vi vi phạm Hiến pháp và pháp luật, giữ vững kỷ luật, kỷ cương hành chính, tuyên truyền giáo dục pháp luật; thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Phối hợp công tác với các cơ quan, đơn vị để kịp thời giải quyết các vấn đề khó khăn, tồn đọng, phát sinh... của địa phương.

Phối hợp với Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội để thực hiện đạt hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân cũng như việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước của Nhân dân địa phương.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội

Bước vào giai đoạn 2021-2025, tình hình thế giới và trong nước có những diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó đoán định, nhất là phải chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh và diễn biến phức tạp trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế, xã hội (KTXH) của tỉnh. Các nền kinh tế lớn đối mặt với tình trạng suy thoái sâu, tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ qua. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, gia tăng căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự leo thang ở một số quốc gia làm suy yếu hệ thống thương mại đa phương, cản trở đầu tư, gây bất định cho cả sản xuất và tiêu dùng, đồng thời làm tăng biến động tài chính. Bên cạnh đó, tần suất và mức độ nghiêm trọng của thiên tai đã tăng lên theo thời gian và còn tiếp tục tăng hơn nữa do biến đổi khí hậu đã đe dọa an ninh lương thực, an ninh năng lượng, bất ổn xã hội...

Trong nước và trong tỉnh, với quyết tâm phục hồi và phát triển KTXH, tạo đà để hoàn thành các mục tiêu phát triển KTXH giai đoạn 2021 - 2025, dưới sự lãnh đạo thống nhất của cả hệ thống chính trị và sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành những quyết sách, từng bước khắc phục kịp thời và vượt qua khó khăn, thách thức, vừa tập trung phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh, vừa thúc đẩy phục hồi và phát triển KTXH đạt được những kết quả khá toàn diện trên nhiều lĩnh vực, cụ thể:

2.1. Về phát triển kinh tế

Trong giai đoạn 2021-2025, kinh tế tiếp tục phát triển, tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) ước đạt 92.348 tỷ đồng, năm 2025 tăng **10,02%** so với năm 2024, vượt mục tiêu tăng trưởng được Chính phủ giao theo Nghị quyết số 226/NQ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 và của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2025, xếp vị trí thứ **01/06** tỉnh trong vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên và đứng **06/34** cả nước về tốc độ

tăng GRDP và cũng là một trong sáu tỉnh, thành phố có tốc độ tăng GRDP đạt 02 con số trong năm 2025; trong giai đoạn 2021-2025 tăng bình quân 7,20%/năm, trong đó: (i) Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,27%/năm, (ii) Khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 10,09%/năm (*trong đó: công nghiệp tăng 11,73%/năm*), (iii) Khu vực dịch vụ tăng 5,95%/năm, (iv) Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 6,09%/năm.

Quy mô nền kinh tế (*GRDP theo giá hiện hành*) có sự tăng trưởng qua từng năm; đến năm 2025 ước đạt 191.612 tỷ đồng, bình quân giai đoạn 2021-2025 tăng 11,8%/năm. Năm 2025, GRDP bình quân đầu người ước đạt 4.042 USD, tăng 10,7%/năm; thu nhập bình quân đầu người đạt 52,5 triệu đồng/người/năm, tăng bình quân 8,5%/năm. Năng suất lao động xã hội theo giá so sánh ước đạt 90,4 triệu đồng/lao động, tăng bình quân 5,8%/năm. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 05 năm theo giá hiện hành ước đạt hơn 336.915 tỷ đồng. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn ước đạt hơn 169.497 tỷ đồng, vượt 31,6% so với dự toán, 05 năm liên tiếp đạt và vượt thu so với dự toán Trung ương giao. Các khu vực kinh tế tăng trưởng khá, đạt nhiều kết quả nổi bật, đó là:

- *Ngành công nghiệp phát triển nhanh, chú trọng công nghiệp chế biến, công nghiệp nặng.* Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2025 ước đạt 187.307 tỷ đồng, tăng 17,1% so với năm 2024, bình quân giai đoạn 2021-2025 tăng 10,9%/năm. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giữ vai trò chủ lực và là điểm sáng trong phát triển công nghiệp của tỉnh. Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Bờ Y và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp được quan tâm đầu tư và thu hút đầu tư. Chủ trương xây dựng Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất được tích cực thực hiện. Tỉnh luôn quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án có quy mô lớn như: Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất, Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 và dự án Sản xuất ray đường sắt và thép đặc biệt Hòa Phát Dung Quất; dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp VSIP II Quảng Ngãi (giai đoạn 1); các dự án Nhà máy điện tuabin khí hỗn hợp Dung Quất I, Dung Quất II, Dung Quất III; Khu công nghiệp và sản xuất dược liệu tập trung Đăk Tô, một số dự án thủy điện, điện gió, điện mặt trời,... Chú trọng triển khai thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh.

- *Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản được chú trọng, ưu tiên đẩy mạnh phát triển theo hướng bền vững, hữu cơ.* Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2025 ước đạt 30.765 tỷ đồng, tăng 3,5% so với năm 2024, bình quân giai đoạn 2021-2025 tăng 4,4%/năm. Các sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh được tập trung đầu tư theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, gắn với công nghiệp chế biến, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng chuỗi giá trị bền vững và truy xuất nguồn gốc. Nhiều cây trồng chính đã đạt và vượt kế

hoạch diện tích gieo trồng đề ra cho năm 2025, như: cà phê (đạt 108,8%), cao su (đạt 101%), Mắc ca (104,3%)... Diện tích trồng Sâm Ngọc Linh lũy kế ước đạt hơn 3.227 ha. Nuôi trồng, khai thác thủy sản tăng trưởng khá, dự kiến năm 2025 đạt hơn 300 nghìn tấn. Công tác quản lý, phát triển và bảo vệ rừng được quan tâm, tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh đạt 59,45%.

Toàn tỉnh có 643 sản phẩm đạt OCOP 3 - 5 sao (bao gồm 02 sản phẩm 5 sao, 55 sản phẩm 4 sao, và 586 sản phẩm 3 sao); hơn 600 sản phẩm OCOP lên sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Quảng Ngãi; đã xây dựng 33 Điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP. Qua đó, nâng cao giá trị, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

- *Ngành dịch vụ, du lịch ngày càng được chú trọng, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế - xã hội.* Giá trị sản xuất khu vực dịch vụ năm 2025 ước đạt 49.662 tỷ đồng, tăng 8,5% so với năm 2024, bình quân giai đoạn 2021-2025 tăng 6,15%/năm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2025 ước đạt hơn 133.810 tỷ đồng, tăng bình quân 11,9%/năm. Kim ngạch xuất khẩu năm 2025 ước đạt 3.001 triệu USD, tăng bình quân 12,1%/năm, tăng 1,8 lần so với năm 2020; Kim ngạch nhập khẩu năm 2025 ước đạt 5.376 triệu USD, bình quân tăng 26,2%/năm, sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là: Dầu thô, sắt thép, máy móc, phụ tùng thay thế, bông, sợi, vải, nguyên phụ liệu... phục vụ nhu cầu sản xuất ở tỉnh. Du lịch có bước phát triển; chủ trương phát triển Lý Sơn thành trung tâm du lịch biển - đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được tích cực triển khai thực hiện. Khu du lịch Măng Đen được quy hoạch bài bản, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, hạ tầng và chất lượng dịch vụ được nâng lên; hoàn thành phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án Khu đô thị số 1, xã Măng Đen. Tập trung xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch mới, đặc trưng riêng, trọng tâm là du lịch tham quan, nghiên cứu văn hóa, lịch sử, tâm linh, du lịch thể thao mạo hiểm, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng. Năm 2025, tổng lượng khách đến tỉnh ước đạt khoảng 5 triệu lượt; tổng doanh thu du lịch ước đạt 3.671 tỷ đồng.

Cùng với đó, phát triển hạ tầng, một trong những nhiệm vụ đột phá của Trung ương, cũng như của tỉnh đạt nhiều kết quả tích cực. Đã thu hút đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Huy động nguồn lực xã hội đầu tư nhiều dự án thủy điện, điện mặt trời, điện gió với tổng công suất gần 1.200 MW. Tập trung nguồn lực đầu tư, phát triển hạ tầng giao thông với một số dự án quan trọng như: Cầu và đường nối từ trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đến huyện Tư Nghĩa (cũ); Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong; Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi; Cầu và đường hai đầu cầu từ bến du lịch xã Ia Chim, thành phố Kon Tum (cũ) (Tỉnh lộ 671) đến đường giao thông kết nối với Tỉnh lộ 675A xã Ya Ly huyện Sa Thầy (cũ); cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 671 đoạn từ Km49+500 - Km52 (đường Đòng Nai), thành phố Kon Tum (cũ); cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 676 nối huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum (cũ) với các huyện Sơn Tây, Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi (cũ); Đường tránh phía Tây

thành phố Kon Tum (cũ); Đường Trường Chinh, thành phố Kon Tum (cũ);... Hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông các ngành, lĩnh vực được quan tâm đầu tư. Trong năm 2025, đã xây dựng hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng 268 căn hộ, đạt tỷ lệ 112% so với chỉ tiêu được giao tại Quyết định số 444/QĐ-TTg ngày 27/02/2025.

Tỉnh cũng đã chú trọng phát triển các vùng, phát triển đô thị và hạ tầng nông thôn. Hoàn thành việc lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen đến năm 2045; điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045 và đã phê duyệt 9 Đồ án⁷ Quy hoạch phân khu các khu chức năng trong Khu kinh tế Dung Quất, đây sẽ là công cụ cực kỳ quan trọng tổ chức quản lý, thu hút đầu tư thúc đẩy phát triển theo hướng “*Chuyên biệt, xanh, thông minh và phát triển bền vững*” trong giai đoạn tới. Hiện nay, tỉnh đang lập các thủ tục để điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời, thực hiện lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh sau khi thực hiện chính quyền 2 cấp. Đến cuối năm 2025, tỷ lệ đô thị hóa đạt 29,37%.

Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Đã tập trung chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh các chính sách, từng bước tạo môi trường đầu tư thuận lợi. Toàn tỉnh đã tập trung đầu tư khoảng 416 công trình, dự án; đã cấp chủ trương cho 151 dự án từ nguồn vốn đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký gần 121 nghìn tỷ đồng, tổng vốn thực hiện ước đạt hơn 135 nghìn tỷ đồng; cấp giấy chứng nhận đầu tư, chủ trương đầu tư cho 23 dự án FDI với tổng vốn đăng ký khoảng 811 triệu USD, tổng vốn thực hiện ước đạt 541 triệu USD; có 5.365 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tổng vốn đăng ký hơn 46.810 tỷ đồng, vốn đăng ký bình quân/doanh nghiệp đạt hơn 8,84 tỷ đồng/1 doanh nghiệp. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh, xác định phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế.

Đã quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu được quan tâm. Việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện công khai, đúng quy định. Tỷ lệ thu gom xử lý chất thải rắn, nguy hại đạt 81%. Tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn đạt 83,3%. Các vụ việc vi phạm về môi trường được phát hiện và xử lý kịp thời,

⁷ Gồm: (1) Khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ Bình Thạnh; (2) Khu đô thị, công nghiệp, dịch vụ Tịnh Phong. (3) Khu đô thị, dịch vụ Đông Nam Dung Quất; (4) Đô thị Lý Sơn; (5) Khu công nghiệp Bình Hòa - Bình Phước; (6) Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Dung Quất II; (7) Khu đô thị, công nghiệp, dịch vụ Tây Bắc Dung Quất; (8) Khu dịch vụ hỗn hợp Đông Dung Quất; (9) Điều chỉnh Khu công nghiệp phía Đông Dung Quất.

không để lại hậu quả nghiêm trọng. Đã thực hiện tốt công tác ứng phó, giảm nhẹ hậu quả thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Ban hành Kế hoạch triển khai “Chiến dịch Quang Trung” hỗ trợ xây dựng lại và sửa chữa nhà ở cho các hộ bị thiệt hại do thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2.2. Về phát triển văn hóa, xã hội

Bản sắc văn hóa được giữ gìn, phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên; quan tâm phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao. Các thiết chế văn hóa ở cơ sở được quan tâm đầu tư, phát huy giá trị. Các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể được quan tâm bảo tồn và phát huy, tạo nên không gian văn hóa đa dạng, độc đáo và giàu bản sắc. Các hủ tục, phong tục không còn phù hợp cơ bản được xóa bỏ. Hoạt động thể dục, thể thao quần chúng, giáo dục thể chất, thể thao trường học, thể thao chuyên nghiệp luôn được coi trọng.

Chất lượng giáo dục và đào tạo được nâng cao; nguồn nhân lực ngày càng đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội. Triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh. Duy trì vững chắc và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn toàn tỉnh được giữ vững. Công tác tư vấn, hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở có chuyển biến tích cực. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục cơ bản được chuẩn hoá. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy - học được cải thiện. Đã tích cực triển khai các chính sách về phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 63,97%.

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; thông tin, truyền thông và báo chí được chú trọng triển khai, đạt kết quả tích cực, trọng tâm là Đề án 06 của Chính phủ. Tổ chức thực hiện nghiêm, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh; các nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số và thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; các chương trình khoa học và công nghệ, hỗ trợ phát triển công nghiệp, doanh nghiệp, doanh nhân... Chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan báo chí tiếp tục được nâng lên.

Y tế được chú trọng đầu tư, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn tỉnh. Năng lực và chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên. Đã tích cực thu hút nguồn lực trong xã hội đầu tư phát triển y tế kỹ thuật cao. Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch Covid-19, vừa phòng chống bệnh, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Ước đến hết năm 2025, có 100% đơn vị hành chính cấp xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; có 10,2 bác sĩ và 35,35 giường bệnh trên 01 vạn dân; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,17% dân số.

Thực hiện tốt các chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội; giảm nghèo bền vững. Các chế độ chính sách, an sinh xã hội được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời. Hoàn thành trước tiến độ Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Trung ương với tổng số 9.071 căn nhà (*trong đó, sửa chữa 2.702 căn, xây mới 6.369 căn*), kinh phí 517,54 tỷ đồng. Thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu quốc gia; đến hết năm 2025, tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số có đất ở, đất sản xuất đạt 98,86%; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2,17%/năm; trong đó miền núi giảm bình quân 4,64%/năm. Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội còn khoảng 41,23%, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị khoảng 1,79%.

2.3. Về lĩnh vực nội chính, tổ chức nhà nước và quốc phòng, an ninh

a) Xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh. Đẩy mạnh cải cách hành chính

Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Thực hiện tốt công tác phê chuẩn bầu, miễn nhiệm thành viên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Công tác sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy: Sau khi sắp xếp tỉnh Kon Tum với tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi mới có 14 cơ quan chuyên môn và 01 tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Có 107 tổ chức bên trong thuộc các Sở, ngành và tổ chức hành chính (*gồm phòng chuyên môn, chi cục và tổ chức tương đương*). Đối với đơn vị sự nghiệp: tỉnh Quảng Ngãi mới có 10 đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh⁸; 167 đơn vị sự nghiệp thuộc các Sở, ngành. Đối với Ủy ban nhân dân cấp các xã, phường, đặc khu: có 96/96 xã thành lập 03 cơ quan chuyên môn⁹ và Trung tâm phục vụ Hành chính công; có 900 đơn vị sự nghiệp thuộc 96 xã, phường, đặc khu, trong đó có 91 đơn vị sự nghiệp khác và 809 đơn vị trường học công lập¹⁰.

Công tác sắp xếp đơn vị hành chính: Triển khai, xây dựng Phương án, Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2023 - 2025, bổ sung hoàn thiện hồ sơ Đề án thành lập thị trấn Tịnh Hà gắn với sắp xếp đơn vị hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2023 - 2025 và đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2024 tại Nghị quyết số 1279/NQ-UBTVQH15 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh

⁸ Gồm: (1) Trường Đại học Phạm Văn Đồng; (2) Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi; (3) Trường Cao đẳng Kon Tum; (4) Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi; (5) Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi; (6) Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi; (7) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi; (8) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi; (9) Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi; (10) Ban Quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray, tỉnh Quảng Ngãi.

⁹ Văn phòng HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN - ỦY BAN NHÂN DÂN ; Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế đối với xã, đặc khu hoặc phòng Kinh tế - hạ tầng và Đô thị đối với phường.

¹⁰ Gồm mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

Quảng Ngãi giai đoạn 2023 - 2025 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2025); theo đó, giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Quảng Ngãi có 09 đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp, gồm 08 xã và 01 thị trấn. Sau khi sắp xếp, tỉnh Quảng Ngãi có 13 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 11 huyện, 01 thị xã và 01 thành phố; giảm 03 ĐVHC cấp xã (tăng 01 thị trấn, giảm 04 xã); từ 173 đơn vị (148 xã, 17 phường và 08 thị trấn) còn 170 đơn vị (144 xã, 17 phường và 09 thị trấn).

Tiếp tục thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum đã phối hợp xây dựng Đề án sắp xếp tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum, được Quốc hội thông qua sắp xếp tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum thành tỉnh Quảng Ngãi (mới) tại Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Đồng thời, 02 tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum đã tổ chức triển khai và xây dựng Phương án, Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Kon Tum năm 2025, được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025; theo đó, sau sắp xếp, tỉnh Quảng Ngãi (mới) có 96 ĐVHC cấp xã, gồm 86 xã, 09 phường và 01 đặc khu. Ngày 01 tháng 7 năm 2025, tỉnh Quảng Ngãi mới và 96 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi mới chính thức đi vào hoạt động.

Cải cách hành chính (CCHC); nâng cao thứ hạng các chỉ số về cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh được xác định là nhiệm vụ trọng tâm¹¹ trong giai đoạn 2021 - 2025: Xác định CCHC là một trong những nhiệm vụ quan trọng để thúc đẩy phát triển KTXH của tỉnh. Trên cơ sở thực hiện các quy định, hướng dẫn của Trung ương về CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030, triển khai Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Ngãi lần thứ 5 khóa XX về đẩy mạnh CCHC; nâng cao thứ hạng các chỉ số CCHC, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; trong những năm qua, tỉnh Quảng Ngãi đã quyết liệt chỉ đạo và ban hành nhiều văn bản¹² chỉ đạo để xây dựng các cơ chế

¹¹ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/10/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 5 khóa XX về đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

¹² Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về đẩy mạnh CCHC; nâng cao thứ hạng các chỉ số CCHC, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch CCHC; nâng cao thứ hạng các chỉ số CCHC, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình xây dựng chính quyền kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, phục vụ Nhân dân; Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 20/11/2021 về thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ ở các lĩnh vực tinh cần ưu tiên thu hút giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về

chính sách sát với yêu cầu thực tế của địa phương, làm cơ sở cho các ngành, địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo và triển khai đầy đủ các kế hoạch, văn bản¹³ để thực hiện nhiệm vụ CCHC của tỉnh; trong đó, xác định cụ thể từng nhiệm vụ phải thực hiện, tiến độ hoàn thành để yêu cầu các sở, ban ngành, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao.

Trong những năm qua, công tác CCHC có nhiều chuyển biến tích cực trên tất cả các lĩnh vực, các Chỉ số PCI, PAR INDEX, SIPAS, PAPI của tỉnh được Trung ương đánh giá có sự cải thiện¹⁴. Qua đó, đã làm thay đổi nhận thức,

việc ban hành Kế hoạch phát động và triển khai phong trào thi đua “Đẩy mạnh CCHC tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025”; Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch nâng cao chỉ số CCHC (PAR INDEX), chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) cấp tỉnh giai đoạn 2022-2025 của tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 845/QĐ-ỦY BAN NHÂN DÂN ngày 29/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch truyền thông nâng cao chỉ số CCHC (PAR INDEX), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025; Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện các TTHC thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

¹³ Các Quyết định số: 2043/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Ngãi năm 2021; 2108/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Ngãi năm 2022; 1782/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Ngãi năm 2023; 1879/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Ngãi năm 2024 và 1546/QĐ-UBND ngày 04/12/2024 ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 22/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2021 trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 26/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đẩy mạnh CCHC trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 25/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2022 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Chỉ thị số 05/CT-ỦY BAN NHÂN DÂN ngày 24/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 16/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 31/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2023 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2023; Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 07/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật” năm 2023; Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC; Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 23/01/2025 về rà soát, đánh giá TTHC; Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 18/02/2025 về truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC năm 2025; Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 22/01/2025 theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2025 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 244/KH-UBND ngày 20/12/2024 triển khai công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

¹⁴ Kết quả điểm, xếp hạng các chỉ số PCI, PAR INDEX, SIPAS, PAPI qua các năm:

(1) Đối với tỉnh Quảng Ngãi cũ:

+ Năm 2021: Chỉ số PCI: Điểm 62,97/100; Xếp hạng: 45/63; Chỉ số PAR INDEX: Điểm: 86,45/100; Xếp hạng: 39/63; Chỉ số SIPAS: Điểm: 80,43/100; Xếp hạng: 53/63; Chỉ số PAPI: Điểm: 40,98/80; Xếp hạng: 43/63.

+ Năm 2022: Chỉ số PCI: Điểm 65,18/100; Xếp hạng: 33/63; Chỉ số PAR INDEX: Điểm: 86,08/100; Xếp hạng: 27/63; Chỉ số SIPAS: Điểm: 70,85/100; Xếp hạng: 49/63; Chỉ số PAPI: Điểm: 42,93/80; Xếp hạng: 23/63.

+ Năm 2023: Chỉ số PCI: Điểm 65,76/100; Xếp hạng: 43/63; Chỉ số PAR INDEX: Điểm: 87,37/100; Xếp hạng: 27/63; Chỉ số SIPAS: Điểm: 80,03/100; Xếp hạng: 48/63; Chỉ số PAPI: Điểm: 40,49/80; Xếp hạng: 49/63.

+ Năm 2024: Chỉ số PCI: Điểm 66,36/100; Xếp hạng: 45/63; Chỉ số PAR INDEX: Điểm: 87,88/100; Xếp hạng: 43/63; Chỉ số SIPAS: Điểm: 80,09/100; Xếp hạng: 59/63; Chỉ số PAPI: Điểm: 43,07/80; Xếp hạng: 38/63.

(2) Đối với tỉnh Kon Tum cũ:

tin thần, thái độ, ý thức trách nhiệm của đội ngũ CBCCVC và người lao động của các cơ quan, đơn vị, địa phương và ý thức, trách nhiệm của người dân và doanh nghiệp cũng được nâng lên rõ rệt, góp phần tạo chuyển biến tích cực trong quan hệ với nhân dân, với tập thể và cộng đồng xã hội, nhờ đó đã góp phần đẩy mạnh phát triển KTXH, đảm bảo an ninh - quốc phòng, ổn định chính trị tại địa phương; ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của đội ngũ CBCCVC ngày càng được nâng lên; kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao ngày càng hiệu quả đã góp phần củng cố và tạo được niềm tin giữa người dân với chính quyền.

b) Công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân; phòng chống tham nhũng

Công tác thanh tra được triển khai thực hiện đảm bảo đúng định hướng của Thanh tra Chính phủ và lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh. Công tác theo dõi, đôn đốc thực hiện kết luận thanh tra và quyết định xử lý về thanh tra ngày càng được tăng cường và đi vào nề nếp. Phần lớn các cuộc thanh tra có trọng tâm, trọng điểm, đi vào những lĩnh vực, những vấn đề nổi cộm, bức xúc dễ xảy ra tham nhũng, lãng phí như: Lĩnh vực đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, thanh tra tài chính, ngân sách, công vụ, quy hoạch xây dựng,... Thực hiện tốt việc xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra ngày càng hiệu quả¹⁵; chỉ đạo xử lý đối với 512 lượt doanh nghiệp có dấu hiệu trùng lặp trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh.

Toàn ngành Thanh tra đã triển khai thực hiện 4.392 cuộc thanh tra, kiểm tra, phát hiện sai phạm với tổng số tiền hơn 271.985 triệu đồng, 4.769,53 ha đất, cùng nhiều sai phạm khác; đã kiến nghị thu hồi nợ ngân sách nhà nước số tiền hơn 79.054 triệu đồng, 4.135,46 ha đất, kiến nghị xử lý khác gần 192.931 triệu đồng và 634,07 ha đất; kiến nghị chuyển cơ quan điều tra xem xét 20 vụ việc có dấu hiệu tội phạm; ban hành 2.242 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền hơn 18.346 triệu đồng cùng nhiều biện pháp khắc phục, chấn chỉnh khác.

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngày càng đi vào nề nếp; kết quả giải quyết hàng năm trung bình đều đạt trên 95% số vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền; việc giải quyết trực tiếp thông qua xử lý cơ chế,

+ Năm 2021: Chỉ số PCI: Điểm 58,95/100; Xếp hạng: 61/63; Chỉ số PAR INDEX: Điểm: 88,03/100; Xếp hạng: 29/63; Chỉ số SIPAS: Điểm: 59,00/100; Xếp hạng: 59/63; Chỉ số PAPI: Điểm: 39,89/80; Xếp hạng: 54/63.

+ Năm 2022: Chỉ số PCI: Điểm 64,89/100; Xếp hạng: 37/63; Chỉ số PAR INDEX: Điểm: 81,35/100; Xếp hạng: 55/63; Chỉ số SIPAS: Điểm: 78,39/100; Xếp hạng: 42/63; Chỉ số PAPI: Điểm: 39,98/80; Xếp hạng: 54/63.

+ Năm 2023: Chỉ số PCI: Điểm 65,6/100; Xếp hạng: 46/63; Chỉ số PAR INDEX: Điểm: 86,14/100; Xếp hạng: 43/63; Chỉ số SIPAS: Điểm: 82,10/100; Xếp hạng: 35/63; Chỉ số PAPI: Điểm: 39,82/80; Xếp hạng: 59/63.

+ Năm 2024: Chỉ số PCI: Điểm 65,1/100; Xếp hạng: 49/63; Chỉ số PAR INDEX: Điểm: 88,27/100; Xếp hạng: 33/63; Chỉ số SIPAS: Điểm: 84,03/100; Xếp hạng: 27/63; Chỉ số PAPI: Điểm: 40,33/80; Xếp hạng: 60/63.

¹⁵ Triển khai Phần mềm cơ sở dữ liệu hoạt động thanh tra trên địa bàn tỉnh; công bố công khai kế hoạch thanh tra kiểm tra doanh nghiệp hàng năm trên cổng thông tin điện tử của tỉnh; cử công chức làm đầu mối theo dõi, xử lý kiến nghị của doanh nghiệp...

chính sách đã kết thúc được nhiều vụ trên thực tế, trong đó có một số vụ việc kéo dài. Các cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh đã tổ chức tiếp 26.054 lượt/28.804 người/24.922 vụ việc; trong đó có 122 lượt đoàn đông người. Tiếp nhận và xử lý 52.855 đơn khiếu nại, tố cáo và kiến nghị, phản ánh; đã giải quyết 1.592/1.679 vụ khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đạt tỷ lệ gần 95%.

Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được các cấp chính quyền, cơ quan tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện đồng bộ và đạt được những kết quả tích cực¹⁶. Kịp thời ban hành các chương trình, kế hoạch để chỉ đạo, triển khai các chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, nhất là Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh và nhiều văn bản về chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại hạn chế qua công tác đánh giá phòng, chống tham nhũng. Nâng cao các biện pháp phòng ngừa và nhận thức về phòng, chống tham nhũng; xử lý kịp thời các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng¹⁷. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác xác minh tài sản, thu nhập.

c) Công tác tư pháp

Công tác thẩm định văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) được triển khai thực hiện thường xuyên và chú trọng nâng cao chất lượng thẩm định¹⁸; qua thẩm định, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thông qua và ban hành 1.237 văn bản QPPL (302 Nghị quyết, 935 Quyết định). Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua 07 nghị quyết và Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 58 quyết định theo thẩm quyền được Luật giao quy định chi tiết¹⁹. Hoàn thành việc xử lý 34 văn bản (trong đó, Kon Tum (cũ) có 12 văn bản, Quảng Ngãi (cũ) có 22 văn bản) có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật theo kết luận, kiến nghị của Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp. Thực hiện công bố danh mục văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh hết hiệu lực toàn bộ và một phần hàng năm.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tiếp tục được triển khai thực hiện bằng nhiều hình thức, nội dung phong phú, đa dạng. Công tác bổ

¹⁶ Thực hiện nghiêm việc công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; chú trọng thực hiện việc kiểm soát xung đột lợi ích; thực hiện chuyển đổi vị trí công tác 1.704 cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập; theo đó, đã có trên 38.375 lượt người thực hiện kê khai tài sản, thu nhập theo quy định, các cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập đã tiến hành xác minh tài sản, thu nhập đối với 315 cá nhân; chú trọng công tác PCTN, tiêu cực đối với khu vực ngoài nhà nước (105 tổ chức, gồm: 39 công ty đại chúng, 32 tổ chức xã hội, 34 quỹ tín dụng nhân dân ngoài nhà nước).

¹⁷ Trong kỳ, qua công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo đã phát hiện 20 vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, đã chuyển cho các cơ quan cảnh sát điều tra.

¹⁸ Từ năm 2021 đến nay, thực hiện thẩm định 1.221 lượt dự thảo văn bản QPPL (387 nghị quyết, 834 quyết định) và 56 đề nghị xây dựng nghị quyết.

¹⁹ Tỉnh Quảng Ngãi ban hành (04 nghị quyết, 33 quyết định); tỉnh Kon Tum ban hành (03 nghị quyết, 25 quyết định) quy định chi tiết các Luật: Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều; Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022; Luật Bảo vệ môi trường; Luật Đất đai năm 2024, Luật Nhà ở năm 2023; Luật Đường bộ năm 2024; Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và cải cách hành chính thường xuyên được quan tâm triển khai thực hiện; công tác hòa giải ở cơ sở; thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được quan tâm thực hiện. Tổ chức thành công 06 Cuộc thi trực tuyến²⁰ tìm hiểu pháp luật trên địa bàn tỉnh, đã thu hút rất nhiều người tham gia và 01 Cuộc thi viết “Tìm hiểu pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực” với 30.364 người tham gia thi.

Trên địa bàn tỉnh có 109 luật sư đăng ký hành nghề với tổng số 32 tổ chức hành nghề luật sư và 10 Chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư đăng ký hoạt động; có 19 tổ chức hành nghề công chứng với tổng số 41 công chứng viên đang hành nghề; có 04 tổ chức hành nghề đấu giá và 07 Chi nhánh của tổ chức đấu giá tài sản; có 02 tổ chức giám định tư pháp công lập và 08 tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, đội ngũ giám định viên tư pháp là 89 người và người giám định tư pháp theo vụ việc là 108 người, đội ngũ giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc tiếp tục được kiện toàn, bảo đảm các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về giám định tư pháp, cơ bản đáp ứng yêu cầu điều tra, truy tố và xét xử ở địa phương.

d) Công tác đối ngoại

Công tác quản lý nhà nước về hoạt động đối ngoại đạt nhiều kết quả quan trọng về ngoại giao chính trị, kinh tế và văn hóa, từng bước làm cầu nối, xúc tiến và thúc đẩy hợp tác quốc tế phục vụ mục tiêu phát triển KTXH của tỉnh. Công tác lễ tân phục vụ lãnh đạo tỉnh đón tiếp và làm việc với 06 Đoàn đại biểu cấp cao của các địa phương của Lào và 30 Đoàn thuộc các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam (*Đại sứ quán, Tổng Lãnh sự quán*) đến thăm và làm việc tại tỉnh được thực hiện tốt; tổ chức, quản lý đoàn ra, đoàn vào được thực hiện chặt chẽ²¹... Các sự kiện đối ngoại, hội nghị, hội thảo quốc tế do tỉnh Quảng Ngãi chủ trì được tổ chức thực hiện chu đáo, trọng thị, mang lại nhiều kết quả thiết thực.

Ban hành Kế hoạch thiết lập và đẩy mạnh quan hệ hữu nghị hợp tác giữa tỉnh Quảng Ngãi với các địa phương của Nhật Bản và Hàn Quốc giai đoạn 2023 - 2025; Kế hoạch hợp tác giữa tỉnh Quảng Ngãi với tỉnh Champasak và một số địa phương của nước CHDCND Lào giai đoạn 2021 - 2025; tổ chức thành công các chuyến công tác tại các nước Lào, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Canada, Ý và Thụy Sĩ, Pháp và Đức, Nam Phi; đặc biệt tại Nhật Bản, đã tổ chức thành công việc ký kết MOU về hợp tác trao đổi nhân sự giữa Sở Lao động, Thương

²⁰ Gồm: “Tìm hiểu pháp luật về cải cách thủ tục hành chính” trên địa bàn tỉnh, kết quả cuộc thi đã thu hút 11.799 lượt người dự thi; “Tìm hiểu pháp luật về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật” (02 đợt) trên địa bàn tỉnh với 33.941 lượt người dự thi; “Tìm hiểu pháp luật về định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn tỉnh với 57.868 lượt người dự thi; “Tìm hiểu pháp luật về lao động” trên địa bàn tỉnh với 33.439 lượt người dự thi; “Tìm hiểu pháp luật và kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ” 85.233 người tham gia thi; “Tìm hiểu pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có 30.323 người tham gia thi.

²¹ Từ năm 2021 đến nay, có 227 Đoàn vào với 1.369 lượt người nước ngoài đến thăm, làm việc tại tỉnh; có 65 đoàn/483 lượt CBCCV đi công tác nước ngoài, 43 lượt CBCVVC tham gia đoàn liên cơ quan đi nước ngoài và 255 lượt CBCCV đi về việc riêng.

binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi và Phòng Lao động, Công Thương và Du lịch tỉnh Oita (Nhật Bản), đặt nền móng để tiến tới thiết lập thành công quan hệ hữu nghị hợp tác giữa tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Oita; tổ chức thành công Hội nghị “Giới thiệu Quảng Ngãi” tại Hà Nội; Hội nghị trực tuyến trao đổi cơ hội hợp tác giữa tỉnh Quảng Ngãi với Văn phòng Đối ngoại Chính phủ Nhân dân Hà Bắc; Chương trình Presstrip khảo sát, tìm hiểu và truyền thông về Di tích Quốc gia đặc biệt Văn hóa Sa Huỳnh tại Quảng Ngãi; Đổi mới hình thức tổ chức thành công các hoạt động đối ngoại Nhân dân như Chương trình Homestay, Chương trình Friendship Night giúp các sinh viên nước ngoài đang học tập tại tỉnh tăng cường giao lưu, học hỏi, hiểu biết lẫn nhau, qua đó thiết chặt quan hệ hữu nghị hợp tác giữa tỉnh Quảng Ngãi và nhân dân Quảng Ngãi với các địa phương và Nhân dân nước ngoài cũng như cộng đồng quốc tế. Phối hợp với Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam tổ chức thành công Chương trình Đối tác Thái Bình Dương và Thiên thần Thái Bình Dương năm 2024 tại tỉnh với khoảng 60 hoạt động thuộc 05 lĩnh vực chính, gồm: (1) *Hoạt động đón tàu, khai mạc - bế mạc*; (2) *Hoạt động y tế*; (3) *Hoạt động hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thảm họa*; (4) *Hoạt động xây dựng*; (5) *Hoạt động giao lưu cộng đồng*.

Cho phép 63 doanh nhân của 20 doanh nghiệp sử dụng thẻ ABTC. Phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh và các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam liên quan hỗ trợ, xử lý 53 trường hợp công dân có quốc tịch nước ngoài xảy ra tại địa phương như tai nạn, ốm đau, chết, cần giúp đỡ, nhập cảnh trái phép, vi phạm pháp luật. Phối hợp đề nghị Cục Lãnh sự bảo hộ đưa 66 công dân Quảng Ngãi ở nước ngoài về nước an toàn.

Công tác bảo hộ ngư dân và tàu thuyền của tỉnh bị nước ngoài bắt giữ được thực hiện kịp thời; triển khai việc bảo hộ đối với 26 tàu và 221 ngư dân bị nước ngoài bắt giữ; 41 tàu cùng 455 ngư dân bị lực lượng nước ngoài ngăn cản, lấy tài sản khi đang hành nghề tại vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam. Tính đến thời điểm báo cáo, đã phối hợp đưa 168 ngư dân bị nước ngoài bắt giữ qua các năm về nước an toàn. Hiện toàn tỉnh vẫn còn 57 ngư dân bị bắt giữ (*trong đó có 03 ngư dân Quảng Ngãi đi trên các tàu tỉnh bạn*).

Giai đoạn từ năm 2021 đến nay, có 41 tổ chức, cá nhân nước ngoài viện trợ 22,1 triệu USD tương đương 557.470 triệu đồng thông qua 143 khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh. Hầu hết các chương trình, dự án viện trợ nước ngoài chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực như y tế, giáo dục - đào tạo, hỗ trợ phát triển KTXH, xóa đói giảm nghèo, thích ứng với biến đổi khí hậu và viện trợ khẩn cấp. Các chương trình, dự án viện trợ nước ngoài đều phát huy hiệu quả, góp phần giải quyết nhu cầu cấp thiết của địa phương, hướng đến các đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương, đặc biệt là ở các huyện miền núi còn nhiều khó khăn của tỉnh; tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và đời sống của Nhân dân trong vùng dự án, góp phần thiết thực vào công cuộc giảm nghèo, an sinh phát triển bền vững, phù hợp với các ưu tiên, định hướng phát triển KTXH của tỉnh.

e) Công tác quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội

Quốc phòng, an ninh được tăng cường; duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu ở các cấp. Đã triển khai thực hiện tốt Kết luận số 159-KL/TW ngày 29/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư (*khóa XVIII*) về Đề án tiếp tục sắp xếp tổ chức quân sự địa phương “tinh, gọn, mạnh” đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Khu vực phòng thủ tỉnh được xây dựng ngày càng vững chắc. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ các cấp đúng kế hoạch, đạt chất lượng. Đã phối hợp với tỉnh Attapur (Lào) diễn tập phòng thủ dân sự đạt kết quả tốt. Công tác quân sự địa phương, xây dựng lực lượng dân quân/bộ đội thường trực, dự bị động viên, dân quân tự vệ, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh đều đạt kết quả tốt. Hằng năm, thực hiện đạt 100% chỉ tiêu giao quân; chất lượng được nâng lên. Tăng cường xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, nền biên phòng toàn dân vững mạnh. Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới. Xây dựng, huấn luyện và bảo đảm hoạt động của Hải đội Dân quân thường trực. Huy động nhân lực, tàu thuyền và phương tiện dân sự tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền các vùng biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chủ quyền lãnh thổ được giữ vững, đường biên, mốc quốc giới nguyên trạng.

Triển khai thực hiện có hiệu quả các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định. Chủ động nắm, phân tích, đánh giá, dự báo sát, đúng tình hình, kịp thời phát hiện, giải quyết từ sớm, từ xa, từ cơ sở 100% vấn đề, vụ việc phức tạp nổi lên liên quan an ninh quốc gia; không để xảy ra bị động, bất ngờ trong bảo đảm ANTT. Triển khai hiệu quả phương án bảo đảm an ninh tuyến biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia; an ninh biển, đảo; an ninh dân tộc, tôn giáo. Chủ động triển khai kế hoạch bảo vệ an ninh, an toàn các sự kiện quan trọng của tỉnh²²; bảo vệ tuyệt đối an toàn các đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước và khách quốc tế đến địa phương. Triển khai các biện pháp bảo đảm vững chắc an ninh kinh tế; bảo đảm an ninh, an toàn 02 công trình trọng điểm liên quan đến ANQG. Công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng được tăng cường; thường xuyên tổ chức diễn tập ứng phó sự cố, rà soát và khắc phục kịp thời các lỗ hổng bảo mật, các hệ thống thông tin của tỉnh được bảo đảm an toàn, hoạt động ổn định, thông suốt. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm đạt kết quả tích cực, các loại tội phạm và vi phạm pháp luật được đấu tranh, xử lý kịp thời; tội phạm về trật tự xã hội đã kéo giảm 19,77% so với giai đoạn 2016 - 2020. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được triển khai thực hiện đạt hiệu quả thiết thực; ra mắt lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở; kịp thời củng cố, xây dựng lực lượng này thật sự trở thành “*cánh tay nối dài*” của lực lượng CAND.

²² *Nổi bật là:* Bảo đảm ANTT Lễ Quốc tang đồng chí Nguyên ủy viên Bộ chính trị, nguyên Chủ tịch nước Trần Đức Lương; Lễ kỷ niệm 50 năm Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025), Lễ kỷ niệm 80 năm Ngày khởi nghĩa Ba Tơ (11/3/1945 - 11/3/2025) và 50 năm Ngày giải phóng tỉnh Quảng Ngãi (24/3/1945 - 24/3/2025), Ngày chào mừng 65 năm thành lập Khu căn cứ Tỉnh ủy Kon Tum.

Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án 06/CP của Chính phủ với nhiều giải pháp hay, sáng tạo; tăng cường phòng ngừa, đấu tranh với vi phạm pháp luật về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông góp phần kiềm chế tai nạn giao thông²³, nhất là các vụ tai nạn giao thông rất nghiêm trọng trở lên. Chủ động triển khai nhiều giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ²⁴.

3. Về thực hiện Quy chế làm việc

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quy chế làm việc, kịp thời phân công nhiệm vụ cụ thể cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh; có sự điều chỉnh, bổ sung Quy chế làm việc để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ. Sau sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết của Quốc hội, đã kịp thời ban hành lại Quy chế làm việc theo quy định và phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan đã tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh; tập thể Ủy ban nhân dân tỉnh đã bám sát các nhiệm vụ trọng tâm, triển khai quyết liệt, đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh đã thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, luôn chủ động trong điều hành xử lý công việc theo sự phân công; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

V. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

- Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh luôn tuân thủ các quy định của Hiến pháp, Luật và Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh; củng cố, kiện toàn, bổ sung kịp thời các chức danh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh. Năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh được nâng lên, hoạt động ngày càng sâu sát cơ sở và có hiệu lực, hiệu quả hơn, góp phần tích cực trong việc phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội giữ vững quốc phòng, an ninh ở các địa phương trong tỉnh.

- Sau khi sắp xếp, tổ chức và hoạt động của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã dần đi vào ổn định. Mô hình chính quyền địa phương 02 cấp bước đầu đi vào vận hành đảm bảo theo đúng chỉ đạo, định hướng của Trung ương, đồng bộ, hiệu quả, không bị gián đoạn, không bỏ trống nhiệm vụ, công việc trong giai đoạn chuyển tiếp. Năng lực tham

²³ Xảy ra 2.030 vụ, làm chết 1.199 người, bị thương 1.693 người (So với giai đoạn trước: giảm 714 vụ, tăng 125 người chết, giảm 1.381 người bị thương).

²⁴ Tổ chức thực tập phương án chữa cháy và CNCH của cơ quan Công an đối với 207 cơ sở, khu dân cư; xây dựng 831 phương án và tổ chức thực tập 158 CNCH đối với các loại hình sự cố, tai nạn; tổ chức 02 Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp về PCCC và CNCH.

muu của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được nâng lên; các cơ quan chuyên môn đã tham mưu có chất lượng và hiệu quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực, chỉ đạo, điều hành các hoạt động ở địa phương.

- Công tác sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức đã được các đơn vị quan tâm chú trọng thực hiện; các đơn vị đã chủ động bố trí sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với trình độ năng lực. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ luôn gắn với đánh giá, quy hoạch, bố trí, sử dụng cán bộ; tiếp tục thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách của Trung ương, tỉnh ban hành; chế độ, chính sách của cán bộ, công chức được giải quyết kịp thời. Các sở, ban, ngành tỉnh thường xuyên thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ, công chức đảm bảo tiêu chuẩn chức danh theo quy định, làm cơ sở cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn đề bạt, bố trí sử dụng cán bộ theo thẩm quyền được phân cấp; kỷ luật, kỷ cương hành chính từng bước được chấn chỉnh, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh đối với tổ chức và công dân được cải thiện rõ rệt. Bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp được kiện toàn, hiệu lực, hiệu quả.

- Công tác phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Quốc phòng, an ninh được tăng cường; duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu ở các cấp. Hằng năm, thực hiện đạt 100% chỉ tiêu giao quân; chất lượng được nâng lên. Tăng cường xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, nền biên phòng toàn dân vững mạnh. Chủ động nắm, phân tích, đánh giá, dự báo sát, đúng tình hình, kịp thời phát hiện, giải quyết từ sớm, từ xa, từ cơ sở 100% vấn đề, vụ việc phức tạp nổi lên liên quan an ninh quốc gia; không để xảy ra bị động, bất ngờ trong bảo đảm ANTT. Công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo đảm bảo đúng theo quy định.

2. Một số hạn chế, khó khăn

2.1. Về lĩnh vực kinh tế

Sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo, sản phẩm công nghiệp có hàm lượng khoa học, công nghệ cao chưa nhiều. Công nghiệp hỗ trợ chậm phát triển. Tiến độ thực hiện đầu tư hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp chậm. Nông nghiệp phát triển thiếu bền vững, còn manh mún, nhỏ lẻ, giá trị gia tăng thấp; liên kết theo chuỗi giá trị gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ còn ít. Nuôi trồng thủy sản phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế. Chất lượng, hiệu quả hoạt động của các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã chưa cao. Thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp gặp nhiều khó khăn. Các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, dịch vụ logistics phát triển chậm. Phát triển du lịch chưa có sự chuyển biến rõ nét. Công nghiệp và dịch vụ phát triển chưa đồng đều, chưa hình thành chuỗi giá trị bền vững. Thu hút đầu tư nước ngoài vào tỉnh còn chậm; thu hút nguồn vốn ngoài nhà nước đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa

nhiều; thị trường bất động sản chậm phát triển. Hạ tầng giao thông, đô thị, thương mại, dịch vụ, nông nghiệp thiếu đồng bộ; hạ tầng chuyển đổi số chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Kêu gọi đầu tư trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường, thể thao còn hạn chế. Chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư phát triển nhà ở xã hội. Công tác giải phóng mặt bằng chậm, thiếu đồng bộ, làm kéo dài thời gian đầu tư, ảnh hưởng hiệu quả sử dụng vốn. Thực hiện liên kết vùng chưa có nhiều chuyển biến. Triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia có nơi hiệu quả chưa cao.

2.2. Về văn hóa, xã hội

Nhiều thiết chế văn hóa xuống cấp chậm được sửa chữa. Còn khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền trong tỉnh. Chất lượng giáo dục, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao có mặt còn hạn chế, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ cao. Chất lượng khám, chữa bệnh có mặt chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Nhân dân. Đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài còn hạn chế. Thu nhập và đời sống dân cư nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi còn thấp. Công tác giảm nghèo ở miền núi chưa thật sự bền vững; tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao.

Khoa học, công nghệ chưa thật sự trở thành động lực để đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp chậm; cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa về vốn, mặt bằng, công nghệ và chuyển đổi số chưa kịp thời, còn nhiều bất cập. Vướng mắc trong thực hiện chính sách đất đai, đầu tư, quy hoạch chưa được tháo gỡ kịp thời. Quản lý đất đai, tài nguyên ở một số địa phương chưa chặt chẽ.

2.3. Về nội chính và quốc phòng, an ninh

Hệ thống các văn bản quy định và hướng dẫn của Chính phủ, của các Bộ, ngành liên quan đến việc sắp xếp tổ chức bộ máy để làm cơ sở cho các địa phương triển khai thực hiện chưa được thay đổi đồng bộ, do đó quá trình thực hiện còn gặp khó khăn, lúng túng, thiếu tính thống nhất chung.

Năng lực giám định tư pháp có mặt còn hạn chế. Công tác nắm và dự báo tình hình có lúc chưa kịp thời, chưa toàn diện. Tội phạm ma túy, tội phạm sử dụng công nghệ cao còn diễn biến phức tạp. Tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia đấu tranh, tố giác tội phạm ở một số nơi chưa đạt hiệu quả. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế có mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Việc thực hiện các biện pháp để “gỡ” thẻ vàng IUU đạt hiệu quả chưa cao.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

Tình hình thế giới có nhiều diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường; xung đột vũ trang, chiến tranh thương mại ở một số nước; đại dịch Covid-19 diễn

biến phức tạp, kéo dài; biến đổi khí hậu, thiên tai, nhất là hậu quả của cơn bão số 9 (năm 2020); lịch sử phát triển khác biệt giữa hai tỉnh: Kon Tum (cũ) và Quảng Ngãi (cũ) có cơ cấu kinh tế, nguồn lực, tiềm năng phát triển khác nhau, khi hợp nhất, cần thời gian để đồng bộ chiến lược và cơ chế quản lý; những bất cập trong các quy định của pháp luật chưa được kịp thời sửa đổi; kết cấu hạ tầng, nhất là khu vực phía Tây của tỉnh còn yếu kém, chưa đồng bộ; nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh; liên kết, hợp tác kinh tế giữa các địa phương trong tỉnh và với vùng lân cận còn hạn chế;... đã ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH, đảm bảo quốc phòng, an ninh đã đề ra.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Năng lực dự báo và giải quyết những khó khăn, vướng mắc còn hạn chế. Một số cơ quan, đơn vị chưa kịp thích ứng với yêu cầu mới về quy mô, tích hợp dữ liệu; sự phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị, địa phương có lúc, có việc thiếu chặt chẽ, chưa đồng bộ, có trường hợp còn đùn đẩy trách nhiệm. Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thật sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; có tình trạng e dè, sợ sai, sợ trách nhiệm. Một số cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa thực hiện tốt trách nhiệm công vụ; chưa dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Một bộ phận người dân vẫn còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa có ý thức tự vươn lên thoát nghèo bền vững.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ 2026-2031

I. Công tác thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước

Tiếp tục chỉ đạo các ngành, địa phương ở tỉnh thực hiện có hiệu lực, hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, thực hiện các Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, quy định của các Bộ, ngành Trung ương; chỉ đạo thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2025-2030 đã đề ra.

II. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh

Nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh, tiếp tục xây dựng và củng cố tổ chức bộ máy, nhân sự thành viên Ủy ban nhân dân các cấp; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân; thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị

quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả 05 nhiệm vụ trọng tâm và 03 nhiệm vụ đột phá trong giai đoạn 2025 - 2030. Liên kết và phát huy tiềm năng, lợi thế của mỗi vùng, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường; bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; tăng cường đối ngoại; nâng cao toàn diện đời sống Nhân dân. Phần đầu đến năm 2030, Quảng Ngãi là tỉnh phát triển khá, trở thành một cực tăng trưởng quan trọng ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2026-2031 phải cơ bản đạt được các chỉ tiêu sau:

1. Các chỉ tiêu về kinh tế

(1) Phần đầu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 10%/năm trở lên.

(2) Năng suất lao động xã hội tăng bình quân 8,5% - 9,5%/năm.

(3) Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người khoảng 6.900 - 7.000 USD.

(4) Thu nhập bình quân đầu người (giá hiện hành) tăng bình quân 9% - 10%/năm.

(5) Đến năm 2030, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng 75% - 76%; trong đó, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 44% - 45%.

(6) Đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt tối thiểu 30%.

(7) Vốn đầu tư trên địa bàn trong 5 năm đạt ít nhất 560.000 tỷ đồng.

2. Các chỉ tiêu về văn hóa - xã hội

(8) Đến năm 2030, có 13,1 bác sĩ trên 01 vạn dân; 37,5 giường bệnh trên 01 vạn dân.

(9) Đến năm 2030, có ít nhất 65,19% trường mầm non, 80% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

(10) Đến năm 2030, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 38,7%.

(11) Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ trên 30,6%.

(12) Đến năm 2030, phần đầu cơ bản không còn hộ nghèo.

3. Các chỉ tiêu về môi trường - đô thị

(13) Đến năm 2030, duy trì tỷ lệ độ che phủ rừng ổn định ở mức 60%.

(14) Đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 38%.

4. Các chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh

(15) Hằng năm, 100% đơn vị hành chính cấp xã đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, trong đó vững mạnh toàn diện đạt khoảng 70%.

(16) Hằng năm, có ít nhất 80% khu dân cư, đơn vị hành chính cấp xã, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

III. Công tác thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; đẩy mạnh cải cách hành chính: Tiếp tục xây dựng bộ máy chính quyền từ tỉnh đến cấp xã trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và dân chủ; bổ sung kịp thời thành viên Ủy ban nhân dân các cấp. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. Tiếp tục kiện toàn, đẩy mạnh nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã. Chỉ đạo rà soát, sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền; sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong của các cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp thuộc các sở ngành; sắp xếp các doanh nghiệp do nhà nước chủ sở hữu; sắp xếp, cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp thuộc cấp xã theo hướng tinh gọn, thống nhất, hiệu quả gắn với đẩy mạnh thực hiện phân cấp, phân quyền. Nâng cao hiệu quả cải cách tư pháp; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trong quá trình vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, đặc biệt là việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để phục vụ cho vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Thường xuyên đánh giá, kịp thời khắc phục các bất cập phát sinh, đảm bảo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

2. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển nhanh và bền vững: Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; Đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển theo chiều sâu; Phát triển nhanh, đa dạng các loại hình dịch vụ, các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, giá trị gia tăng cao; phát triển du lịch gắn với phát huy sự đa dạng bản sắc văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo của mỗi vùng miền; Phát triển nông, lâm, thủy sản hiệu quả, bền vững, nâng cao giá trị gia tăng; Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; phát triển đô thị và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới; Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội.

3. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân: Tiếp tục phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững; Đẩy mạnh triển khai các giải pháp đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Tiếp tục nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân; Thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững.

4. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

5. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác nội chính, đối ngoại và hội nhập quốc tế.

6. Thực hiện quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân các cấp: Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã; ban hành chương trình công tác hàng năm, hàng quý, hàng tháng nhằm bám sát các nhiệm vụ để thực hiện đạt kết quả. Tăng cường kỷ luật kỷ cương hành chính, cải tiến phương thức quản lý, lề lối làm việc của các cơ quan hành chính các cấp. Thường xuyên rà soát, kịp thời điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, khắc phục chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động.

Trên đây là Báo cáo Kết quả hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026 và phương hướng, nhiệm vụ hoạt động nhiệm kỳ 2026 - 2031 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- BTT Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VPUB: CVP, PCVP; các phòng, ban, đơn vị trực thuộc;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH_{NNC}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Y Ngọc